TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____	_____

Bản án số: 125/2020/HC-PT
Ngày: 03 - 7 - 2020
V/v "*khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Quốc Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Trương Công Thi**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 94/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 01 năm 2020, về việc "*khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1006/2020/QĐ-PT ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Đỗ Hữu H; sinh năm 1960; địa chỉ: Số 148A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc N, chức vụ Chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Võ Văn C, chức vụ Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân Thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Công T, chức vụ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lưu Văn K, chức vụ Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố B, có đơn xin xét xử vắng mặt..

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố B: Ông Võ Quang T, chức vụ Trưởng bộ phận bồi thường, giải phóng mặt bằng – Trung tâm pháp triển quỹ đất thành phố B; địa chỉ:, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mỹ D, chức vụ Chỉ huy trưởng, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ban chỉ huy quân sự thành phố B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ Chỉ huy trưởng, Ban chỉ huy quân sự thành phố B; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk và Ban chỉ huy quân sự thành phố B: Ông Lê Văn D – Chức vụ: Chủ nhiệm hậu cần - Ban chỉ huy quân sự thành phố B, có mặt.

Người kháng cáo: Ông Đỗ Hữu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:

1. Người khởi kiện ông Đỗ Hữu H trình bày:

Năm 1993 tôi khai hoang được 11 ha đất tại xã C khu vực đồi 559, đến năm 2000 thì có nhận khoán với Uỷ ban nhân dân (sau này viết tắt là UBND) thành phố B chăm sóc 15 ha trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng gồm các cây Sao, Muồng, Tràm và một số cây rừng khác. Quá trình sử dụng đất thì gia đình tôi sử dụng ổn định và không tranh chấp với ai, nhưng năm 2003 khi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau này viết tắt là GCNQSDĐ) thì không được cấp GCNQSDĐ. Đến năm 2018 thì tôi được biết diện tích đất nêu trên của gia đình đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ra quyết định thu hồi đất từ năm 2006 và giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk sử dụng vào mục đích quốc phòng. Việc UBND tỉnh Đắk Lắk ra quyết định thu hồi nhưng không ra quyết định bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất là không phù hợp với quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của gia đình tôi. Do đó, tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết về hành vi mà UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường diện tích 26 ha đất tại đồi 559 xã C thành phố B đối với gia đình ông là trái pháp luật. Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định bồi thường đối với toàn bộ diện tích đất đã thu hồi của gia đình tôi theo quy định của pháp luật.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, ông Đỗ Hữu H khởi kiện bổ sung yêu cầu UBND tỉnh Đắk Lắk cùng UBND thành phố B không ban hành quyết định phê duyệt

phương án bồi thương cho gia đình ông là trái pháp luật. Và phải bồi thường giá trị đất cũng như toàn bộ cây trồng, tài sản trên diện tích 26 ha đất cho gia đình ông.

2. Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk có văn bản trình bày:

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66; điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 thì thẩm quyền thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

3. Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố B có văn bản trình bày:

Ngày 15/11/2006, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2170/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.081.981m^2 đất của các hộ sử dụng đất tại điểm cao 559 và giao diện tích trên cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk để sử dụng vào mục đích quốc phòng

Ngày 15/11/2006, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND về việc cho phép Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk chuyển mục đích sử dụng 2.081.981m^2 đất từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Ngày 25/11/2006, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 212/QĐ-UBND về việc giao 2.081.981m^2 đất khu vực điểm cao 559 thuộc xã C và phường T cho Cơ quan quân sự thành phố B quản lý.

Ngày 12/10/2007, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2079/QĐ-UBND về việc thu hồi 123.613,4m^2 đất nông nghiệp tại xã C của 08 hộ dân đang sử dụng để xây dựng điểm cao 559. Không có hộ tên ông Đỗ Hữu H, trú tại số 148A, đường N, phường T, thành phố B.

Việc ông Đỗ Hữu H có đơn khởi kiện đề nghị UBND thành phố B phải ban hành Quyết định bồi thường diện tích 26 ha đất theo quy định của pháp luật là không có cơ sở vì: UBND thành phố B chưa triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trên diện tích đất của ông Đỗ Hữu H, diện tích đất trên ông Đỗ Hữu H vẫn đang canh tác, sử dụng ổn định.

4. Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ông Võ Quang Thành trình bày:

Ngày 28/12/2006, Ban chỉ huy quân sự thành phố B có tờ trình số 138 về việc đề nghị UBND thành phố thực hiện việc đền bù thu hồi đất tại đồi 559 để sử dụng đất vào mục đích quốc phòng. Ngày 05/01/2007, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 36/QĐ-UBND về việc về việc thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, thu hồi đất khu vực đồi 559 thuộc địa bàn xã C và phường thành nhất để sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Ngày 09/10/2012, UBND thành phố B ban hành thông báo số 194/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây

dựng công trình quốc phòng tại đồi 559 phường T và xã C, thành phố B. Cho đến nay chưa bố trí được nguồn kinh phí để thực hiện dự án, do vậy không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

5. Ông Lê Văn D đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk và Ban chỉ huy quân sự thành phố B trình bày:

Về diện tích đất ông Đỗ Hữu H hiện nay thuộc khu vực đồi 559 xã C, thành phố B. Diện tích đất này đã được UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định thu hồi 2.081.981m^2 đất tại phường T và xã C giao cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk sử dụng đất vào mục đích quốc phòng. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk giao quản lý toàn bộ diện tích đất này cho Ban chỉ huy quân sự thành phố. Hiện nay Bộ chỉ huy quân sự đã được cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật, việc sử dụng đất đúng mục đích theo như được giao. Hiện nay chúng tôi vẫn chưa sử dụng đến diện tích đất mà ông H cho rằng của gia đình ông khai hoang và nhận khoán. Còn việc bồi thường sau khi thu hồi là công tác của cơ quan quản lý đất đai. Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk, Ban chỉ huy quân sự thành phố B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003. Khoản 1 Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76; Điều 99; Điều 100; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 23/3/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu H về yêu cầu hành vi không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường diện tích 26 ha đất tại đồi 559, xã C, thành phố B đối với gia đình ông của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định bồi thường đối với 26 ha đất của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/12/2019, ông Đỗ Hữu H kháng cáo;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Hữu H trình bày giữ nguyên kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của tôi và sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận

đơn khởi kiện, buộc UBND tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường đất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013.

Ông Võ Quang T trình bày và đề nghị: Diện tích đất của ông Đỗ Hữu H được giao chưa có quyết định thu hồi, do vậy chưa thể lập phương án bồi thường được. Hiện nay diện tích đất này ông H vẫn đang canh tác bình thường. Đề nghị bác kháng cáo của ông Đỗ Hữu H.

Ông Lê Văn D trình bày và đề nghị: Diện tích đất của ông Đỗ Hữu H được giao hiện nay ông H vẫn đang canh tác, chưa có quyết định thu hồi. Do vậy đề nghị bác kháng cáo của ông Đỗ Hữu H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án:

Diện tích đất hiện nay ông Đỗ Hữu H đang quản lý canh tác ông vẫn đang sử dụng, không bị ảnh hưởng và chưa bị thu hồi. Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông Đỗ Hữu H là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đỗ Hữu H không cung cấp thêm chứng cứ mới nào khác. Đề nghị bác kháng cáo của ông Đỗ Hữu H.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về tố tụng*:

Ngày 02/12/2019, ông Đỗ Hữu H kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của ông Đỗ Hữu H là trong thời hạn luật định; do vậy Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới.

[2] *Xét kháng cáo của ông Đỗ Hữu H*:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Ngày 15/11/2006, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2170/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.081.981m^2 đất của các hộ sử dụng đất tại điểm cao 559 và giao diện tích trên cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk để sử dụng vào mục đích quốc phòng. Ngày 15/11/2006, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2171/QĐ-UBND về việc cho phép Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk chuyển mục đích sử dụng 2.081.981m^2 đất từ nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp để sử dụng vào mục đích quốc phòng. Ngày 25/11/2006, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết

định số 212/QĐ-UBND về việc giao 2.081.981m^2 đất khu vực điểm cao 559 thuộc xã C và phường T cho Cơ quan quân sự thành phố B quản lý do Phó Chủ tịch ký thay Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk là đúng thẩm quyền, căn cứ pháp lý và đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Liên quan đến các quyết định nêu trên, ông Đỗ Hữu H đang canh tác 26 ha đất; trong đó, 11 ha đất ông H khai là tự khai hoang năm 1993 và 15 ha đất ông H được giao theo hợp đồng bảo vệ rừng, gây trồng rừng phòng hộ số 60/HĐKT ngày 04/7/2000. Theo Quyết định số 212/QĐ-BCHQS ngày 25/11/2006 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắc Lắc thì giao 2.081.981m^2 đất khu vực điểm cao 559, thuộc xã C và phường T cho Cơ quan quân sự thành phố B để tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng. Ngày 12/10/2007, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 2079/QĐ-UBND về việc thu hồi 123.613,4m^2 đất nông nghiệp tại xã C của 08 hộ dân đang sử dụng để xây dựng điểm cao 559. Trong 08 hộ dân có đất bị thu hồi thì không có hộ ông Đỗ Hữu H, trú tại địa chỉ: 148A đường N, phường T, thành phố B. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Hữu H thừa nhận hiện nay ông vẫn đang quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 26 ha đất (trong đó khai hoang 11 ha, được giao trồng rừng 15 ha). Nội dung ông H thừa nhận phù hợp với nội dung người bị kiện là UBND thành phố B trình bày: Toàn bộ cây trồng và tài sản trên đất mà ông H nhận khoán hiện ông Đỗ Hữu H vẫn đang sử dụng, chưa có thiệt hại xảy ra. Như vậy, hiện nay toàn bộ diện tích đất ông Đỗ Hữu H khai hoang, nhận khoán và tài sản trên đất thì ông Hũng vẫn đang sử dụng, canh tác. Bản án hành chính sơ thẩm số 44/2019/HC-ST ngày 19/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử và quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu H là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Đỗ Hữu H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Đỗ Hữu H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[3] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Hữu H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Bác kháng cáo của ông Đỗ Hữu H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 348 Luật Tố tụng hành chính. Điểm a khoản 1 Điều 106 Luật Đất đai năm 2003. Khoản 1 Điều 75; điểm đ khoản 1 Điều 76; Điều 99; Điều 100; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 23/3/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi

Nhà nước thu hồi đất. Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hữu H về yêu cầu hành vi không ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường diện tích 26 ha đất tại đồi 559, xã C, thành phố B đối với gia đình ông của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là trái pháp luật. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định bồi thường đối với 26 ha đất của gia đình ông theo quy định của pháp luật.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đỗ Hữu H phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ ông Đỗ Hữu H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2019/0005419 ngày 09/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắc Lắc (ông H đã nộp đủ).

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Lê Phước Thanh **Trương Công Thi** **Trần Quốc Cường**